

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HT VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn HT Việt Nam trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Tập Đoàn HT Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105746500 lần đầu ngày 21/12/2011. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện pháp luật Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 02, 03, 04, 05, 06, 07 và lần 08 ngày 03/10/2023.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 03/10/2023, vốn điều lệ của Công ty đăng ký là 75.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính: Tầng 5M Tòa Hei Tower, Số 1 Đường Ngụy Như KonTum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm tài chính 2024 của Công ty được trình bày trong các Báo cáo tài chính đính kèm.

3. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này là ông Phạm Thế Hải

4. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này là ông Phạm Thế Hải

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bình An là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

6. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

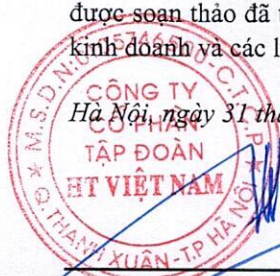
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024



Phạm Thế Hải
Tổng Giám đốc

Số: 2504.11/2025/BCKT/BA

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:****TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HT VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần tập đoàn HT Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:

- a. Đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- b. Phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý cho liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Bình

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 6486-2024-328-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN BÌNH AN

Phạm Văn Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề Kiểm toán số:
5242-2021-328-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90,114,570,752	90,454,088,616
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2,531,516,431	1,063,891,904
1.	Tiền	111		2,231,516,431	1,063,891,904
2.	Các khoản tương đương tiền	112		300,000,000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87,107,332,053	88,882,124,127
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	2,128,648,122	10,497,131,121
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04a	973,626,352	974,399,252
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	84,005,057,579	77,410,593,754
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	466,372,585	508,072,585
1.	Hàng tồn kho	141		466,372,585	508,072,585
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		9,349,683	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	9,349,683	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,460,848,024	3,122,903,412
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1,057,395,403	1,320,703,767
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	1,057,395,403	1,320,703,767
II.	Tài sản cố định	220		1,403,452,621	1,795,113,829
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1,403,452,621	1,795,113,829
	- Nguyên giá	222		8,381,626,648	8,381,626,648
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-6,978,174,027	-6,586,512,819
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
	- Nguyên giá	228		469,923,200	469,923,200
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-469,923,200	-469,923,200
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	7,085,816
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b		7,085,816
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		92,575,418,776	93,576,992,028

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		16,104,035,868	17,118,709,872
I.	Nợ ngắn hạn	310		2,570,763,996	10,198,986,976
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10a	2,263,645,951	9,692,463,453
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11a	14,533,497	13,317,997
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	143,018,246	201,258,242
4.	Phải trả người lao động	314	V.13	106,983,842	256,996,964
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	42,582,460	34,950,320
II.	Nợ dài hạn	330		13,533,271,872	6,919,722,896
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	13,533,271,872	6,919,722,896
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76,471,382,908	76,458,282,156
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	76,471,382,908	76,458,282,156
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		75,000,000,000	75,000,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75,000,000,000	75,000,000,000
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,471,382,908	1,458,282,156
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,458,282,156	1,444,034,813
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13,100,752	14,247,343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		92,575,418,776	93,576,992,028

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Giao

Phùng Thị Giao

Phạm thế Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20,201,801,356	21,397,062,703
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13,916,190	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		20,187,885,166	21,397,062,703
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19,047,219,516	18,975,138,621
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,140,665,650	2,421,924,082
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,326,696	7,222,006
7. Chi phí tài chính	22			
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1,123,145,105	1,634,830,944
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25+26))	30		18,847,241	794,315,144
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3,440,780	184,518,282
12. Chi phí khác	32	VI.6	4,563,951	951,270,233
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,123,171)	(766,751,951)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17,724,070	27,563,193
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	4,623,318	13,315,850
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13,100,752	14,247,343
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8		

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc

Phạm Thế Hải

Phùng Thị Giao

Phùng Thị Giao

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	-		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17,724,070	27,563,193
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	391,661,208	163,192,170
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,326,696)	723,288,406
- Chi phí lãi vay	06		
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	408,058,582	914,043,769
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2,039,587,938	(10,623,121,691)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	41,700,000	1,973,720,361
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1,020,784,822)	8,352,839,872
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2,263,867)	113,742,639
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34,164,062)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,466,297,831	697,060,888
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	-		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,958,306,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		181,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		102,197,574
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,326,696	7,147,588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,326,696	(1,667,142,656)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1,467,624,527	(970,081,768)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,063,891,994	2,033,973,672
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2,531,516,431	1,063,891,904

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phùng Thị Giao

Phùng Thị Giao

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

 Tổng Giám đốc
 Phạm Thế Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn HT Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105746500 lần đầu ngày 21/12/2011. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện pháp luật Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 02, 03, 04, 05, 06, 07 và lần 08 ngày 03/10/2023.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 03/10/2023, vốn điều lệ của Công ty đăng ký là 75.000.000.000 đồng, trong đó cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

Cổ đông	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ (%)
Phùng Tiến Thành :	20.625.000.000	27,5%
Phạm Tiến Hưng :	20.625.000.000	27,5%
Phùng Tiến Phương :	20.250.000.000	27,0%
Phạm Thế Hải :	13.500.000.000	18,0%
Tổng	75.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5M Tòa Hei Tower, Số 1 Đường Nguyễn Như KonTum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0105746500

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

+ Thương mại, dịch vụ, sàn giao dịch thương mại điện tử

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HT VIỆT NAM

Tầng 5M Tòa Hei Tower, Số 1 Đường Nguyễn Như KônTum, Phường
Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
tại ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Phương pháp và thời gian phân bổ cho từng chi phí trả trước của Công ty:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê nhà trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà đã trả. Tiền thuê nhà được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- + Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HT VIỆT NAM

Tầng 5M Tòa Hei Tower, Số 1 Đường Ngụy Như Kon Tum, Phường
Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
tại ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

(i) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về Chế độ kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính. Cụ thể các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thoả mãn đồng thời 04 (bốn) điều kiện sau:

- + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- + Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- + Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- + Có giá trị theo quy định hiện hành.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình, cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định hữu hình**Khung khấu hao (Năm)**

Máy móc, thiết bị

05 – 10

(ii) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04: Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về Chế độ kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính. Cụ thể các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thoả mãn đồng thời tất cả 05 (năm) điều kiện sau:

- + Là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê;
- + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- + Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- + Thời gian sử dụng ước tính trên một năm;
- + Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Chương trình phần mềm

Giá mua của chương trình phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của chương trình phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- + Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- + Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- + Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có đủ khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu từ lãi tiền gửi và thu nhập khác.

Điều kiện ghi nhận các khoản doanh thu và thu nhập khác của Công ty:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, bao gồm: Thu từ thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.

12. Các nghĩa vụ về thuế

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định hiện hành. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	1.698.463.940	231.773.198
- Tiền gửi ngân hàng	533.052.491	832.118.706
- Các khoản tương đương tiền	300.000.000	
Cộng	2.531.516.431	1.063.891.904

02. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính:
VND

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn				
b2) Dài hạn				
Cộng				

03. Phải thu của khách hàng

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.128.648.122	10.497.131.121
Cộng	2.128.648.122	10.497.131.121

04. Trả trước cho người bán

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	973.626.352	974.399.252
b) Trả trước cho người bán dài hạn		
Cộng	973.626.352	974.399.252

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HT VIỆT NAM

Tầng 5M Tòa Hei Tower, Số 1 Đường Ngụy Như Kon Tum, Phường
Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
tại ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

05. Phải thu khác

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	84.005.057.579		77.403.555.103	
- Tạm ứng nhân viên	70.476.636.363		70.366.636.363	
- Ký cược, ký quỹ	13.528.421.216		7.036.918.740	
- Trích trước doanh thu dịch vụ VAS				
- Phải thu ngắn hạn khác				
b) Dài hạn	1.057.395.403		1.320.703.767	
- Ký cược, ký quỹ	1.057.395.403		1.320.703.767	
- Phải thu khác.				
Cộng	85.062.452.982		78.724.258.870	

13. Chi phí trả trước

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	9.349.683	
b) Dài hạn		7.085.816
Cộng	9.349.683	7.085.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DN

09. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Kết cấu hạ tầng do NN ĐTXD...	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá								
Số dư đầu năm		8.381.626.648						
- Mua trong năm								
- Đầu tư XD CB hoàn thành								
- Tăng khác								
- Chuyển sang bất động sản đầu tư								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm		8.381.626.648						
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm		6.586.512.819						
- Khấu hao trong năm		391.661.208						
- Tăng khác								
- Chuyển sang bất động sản đầu tư								
- Thanh lý, nhượng bán								

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HT VIỆT NAM

Tầng 5M Tòa Hei Tower, Số 1 Đường Nguyễn Như KonTum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DN

- Giảm khác									
Số dư cuối năm		6.978.174.027							
Giá trị còn lại									
- Tại ngày đầu năm		1.795.113.829							
- Tại ngày cuối năm		1.403.452.621							

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					469.923.200			
Số dư đầu năm								
- Mua trong năm								
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp								
- Tăng do hợp nhất kinh doanh								
- Tăng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm					469.923.200			
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm					(469.923.200)			

16. Phải trả người bán

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.263.645.951		9.692.463.453	
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Cộng	2.263.645.951		9.692.463.453	

16. Người mua trả tiền trước

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.533.497		13.317.997	
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
Cộng	14.533.497		13.317.997	

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng	143.570.088	27.157.053	159.773.535	10.953.606
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.315.850	4.623.318	13.315.850	4.623.318
- Thuế thu nhập cá nhân	44.372.304	283.674.770	200.605.752	127.441.322
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng	201.258.242	318.455.141	376.695.137	143.018.246

13. Phải trả người lao động

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương phải trả	106.983.842	256.996.964
Cộng	106.983.842	256.996.964

19. Phải trả khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	42.582.460	34.950.320
- Kinh phí công đoàn	24.796.030	24.796.030
- Bảo hiểm xã hội	11.007.550	513.790
- Bảo hiểm y tế	1.851.840	
- Bảo hiểm thất nghiệp	823.040	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.104.000	9.640.500

b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	13.533.271.872	6.919.722.896
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.533.271.872	6.919.722.896
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán (chi tiết từng khoản mục, lý do chưa thanh toán nợ quá hạn)		
Cộng	13.571.750.332	6.954.673.216

25. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	LNST chưa phân phối và các quỹ	Tổng cộng
Số đầu năm	75.000.000.000		1.458.282.156	76.458.282.156
Lãi trong năm nay			13.100.752	
Giảm khác				
Số cuối năm	75.000.000.000		1.471.382.908	76.471.382.908

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.187.885.166	21.397.062.703
Cộng	20.187.885.166	21.397.062.703

2. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.047.219.516	18.975.138.621
Cộng	19.047.219.516	18.975.138.621

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.326.696	7.147.588
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		74.418
Cộng	1.326.696	7.222.006

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	726.076.937	1.030.985.091
- Chi phí đồ dùng văn phòng	306.653.012	355.744.882
- Thuế, phí và lệ phí	32.046.614	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.695.167	113.228.385
- Chi phí bằng tiền khác	5.673.375	131.872.586
Cộng	1.123.145.105	1.634.830.944

5. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		181.818.182
- Các khoản khác	3.440.780	2.700.100
Cộng	3.440.780	184.518.282

5. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		912.254.176
- Các khoản khác	4.563.951	36.016.057
Cộng	4.563.951	951.270.233

5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.724.070	27.563.193
Các khoản điều chỉnh tăng	5.392.522	39.016.057
+ Các khoản chi không được trừ	5.392.522	39.016.057
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	23.116.592	66.579.250
Thu nhập tính thuế	23.116.592	66.579.250
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN được theo thuế suất phổ thông	4.623.318	13.315.850
Thuế TNDN được miễn, giảm		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.623.318	13.315.850

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	13.100.752	14.247.343
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.100.752	14.247.343
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.500.000	7.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,7	1,9

VII. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

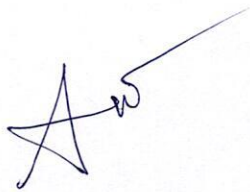
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

VIII. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO – Chi nhánh Hà Nội.

IX. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Ban Giám đốc đã chấp thuận việc phát hành báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.



Phùng Thị Giao
Người lập biểu
Ngày 3 tháng 03 năm 2025



Phùng Thị Giao
Phụ trách kế toán



Phạm Thế Hải
Tổng Giám đốc